

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 10 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;

2. Bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1993;

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T - sinh năm 1985;

Cùng nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn CL 9 (nay là thôn CKL), xã TT, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

Tại phiên tòa có mặt chị Th, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Th trình bày:* Chị kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 17/9/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm sống. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã nhau, cuộc sống chung

không có hạnh phúc. Mặt khác, do anh T thường đi làm ăn xa, nên tình cảm vợ chồng đã phai nhạt. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn nói chuyện với nhau và đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc đoàn tụ là không thể, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Thu H - sinh ngày 26/11/2015 và Trần Tuấn A - sinh ngày 23/12/2016; hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về con riêng: Không có; hiện nay chị không mang thai, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung gì, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn Trần Văn T trình bày:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Th trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 17/9/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên va chạm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân và đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn; nhưng vì con cái nên anh đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để vợ chồng suy nghĩ lại. Trường hợp chị Th kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Thu H - sinh ngày 26/11/2015 và Trần Tuấn A - sinh ngày 23/12/2016. Hiện nay do anh đang đi làm ăn xa, nên anh nhất trí giao cả hai cháu cho chị Th nuôi dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/1cháu (3.000.000 đồng/1tháng cho cả hai cháu), kể từ tháng 10/2019, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung gì, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tâm ngày 17/9/2014. Anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau về tính cách. Mặt khác, do anh T thường đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Chính quyền, đoàn thể xã Thanh Tâm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, việc đoàn tụ là không thể; nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa,***

- Chị Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu về việc xin ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Trần Thị Thu H, Trần Tuấn A và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/1cháu (3.000.000 đồng/1tháng cho cả hai cháu), kể từ tháng 10/2019, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung: Giao các cháu Trần Thị Thu H, Trần Tuấn A cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/1cháu (3.000.000 đồng/1tháng cho cả hai cháu), kể từ tháng 10/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về án phí: chị Nguyễn Thị Th phải nộp ly hôn sơ thẩm, anh Trần Văn T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Trần Văn T hiện có nơi cư trú tại xã TT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T là tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã; bản thân anh T thường xuyên đi làm ăn xa, khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Th xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu H - sinh ngày 26/11/2015 và cháu Trần Tuấn A - sinh ngày 23/12/2016. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Th, anh Trần Văn T thỏa thuận giao cả hai cháu cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/1cháu (3.000.000 đồng/1tháng cho cả hai cháu), kể từ tháng 10/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là hợp pháp, phù hợp với thực tế cũng như nguyện vọng của các bên. Vì vậy, nên tiếp tục giao cháu H, cháu A cho chị Th nuôi dưỡng; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Th theo thỏa thuận.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Trần Văn T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 69, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Trần Thị Thu H - sinh ngày 26/11/2015 và cháu Trần Tuấn A - sinh ngày 23/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trần Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/1cháu (3.000.000 đồng/1tháng cho cả hai cháu), kể từ tháng 10/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04532 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm. Anh Trần Văn T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Xuân Cảnh